TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/DS-PT
Ngày: 22-01-2025
V/v tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất và tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai;

*Các Thẩm phán:*Ông Trần Quốc Vũ;

Ông Nguyễn Văn Bình.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Quỳnh Anh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bé Thi, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 527/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024, về việc: "Tranh chấp hợp đồng tặng cho, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất và tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 148/2024/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024, của Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 657/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Võ Thị Mỹ D, sinh năm 1965, cư trú tại: 4, S, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Vắng mặt.

1.2. Bà Võ Thị Mỹ H, sinh năm 1962; Vắng mặt.

1.3. Ông Võ Văn H1, sinh năm 1967; Vắng mặt.

Cùng trú tại: Khu phố C, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

1.4. Ông Võ Phước N, sinh năm 1969, cư trú tại: Khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà D, bà H, ông H1, ông N: Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1981, cư trú tại: 1, L, phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 23/5/2024); Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Võ Minh T1, sinh năm 1971, cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông T1: Bà Nguyễn Thị Mỹ H2, sinh năm 1972, cư trú tại: Ấp X, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh và ông Nguyễn Minh P, sinh năm 1992, cư trú tại: C, L, T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 16/8/2024); Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1930, cư trú tại: Khu phố C, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt, có đơn xin.

3.2. Bà Nguyễn Thị Thu C, sinh năm 1971, cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà C đồng thời là người đại diện hợp pháp của bị đơn.

3.3. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1969; Vắng mặt.

3.4. Bà Lê Thị H3, sinh năm 1969; Vắng mặt.

Cùng trú tại: Ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

3.5. Văn phòng C2, địa chỉ: Số A, Quốc lộ B, khu phố L, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phùng Thị D1 – Trưởng Văn Phòng; Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn – ông H2 và bị đơn – ông T1, bà C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà Trần Thị V (chết năm 2015) và ông Võ Văn Đ có 05 người con gồm: Bà Võ Thị Mỹ D, bà Võ Thị Mỹ H, ông Võ Văn H1, ông Võ Phước N và ông Võ Minh T1. Ông Đ, bà V không có con riêng, không có con nuôi. Hiện ông Đ đang sống chung với ông H1. Ông Đ và bà V có tài sản chung là quyền sử dụng đất các thửa đất gồm: diện tích 253m^2, thửa 407, tờ bản đồ 18 (BĐ 2000), tọa lạc

tại khu phố C, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; diện tích 3.397m^2, thửa 725, 726, 727, 748, tờ bản đồ 11 (BĐ 2000); diện tích 2.836m^2, các thửa 730, 749, 750, tờ bản đồ 11 (BĐ 2000), tọa lạc tại khu phố B, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất trên do ông Đ, bà V đứng tên. Sau này, bà D, bà H, ông H1, ông N phát hiện ông T1 đã dùng thủ đoạn gian dối để làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho ông T1 và vợ là bà C đứng tên, đồng thời đã chuyển nhượng phần diện tích đất 253 m^2 cho ông Nguyễn Văn S, bà Lê Thị H3.

Nay bà D, bà H, ông H1, ông N yêu cầu Tòa án tuyên hủy các hợp đồng như sau: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho ông Võ Văn Đ, bà Trần Thị V, bên nhận tặng cho ông Võ Minh T1, bà Nguyễn Thị Thu C, đối với quyền sử dụng đất diện tích 253 m^2 được Ủy ban nhân dân phường G chứng thực ngày 06/02/2013, số chứng thực 11/Quyển số 01; Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho ông Võ Văn Đ, bà Trần Thị V, bên nhận tặng cho ông Võ Minh T1, đối với quyền sử dụng đất diện tích 6.233 m^2 được Ủy ban nhân dân phường G chứng thực ngày 21/6/2012, số chứng thực 62/Quyển số 01; Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng ông Võ Minh T1, bà Nguyễn Thị Thu C, bên nhận chuyển nhượng ông Nguyễn Văn S, bà Lê Thị H3, đối với quyền sử dụng đất diện tích 253 m^2 được Văn phòng C3 (nay là Phùng Thị D1) chứng nhận ngày 25/7/2022, số công chứng 2059, quyển số 13/2022/TP/CC-SCC/HĐGD.

Bà D, bà H, ông H1, ông N rút yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà V trong khối tài sản chung gồm quyền sử dụng đất diện tích 253 m^2 và diện tích 6.233 m^2 nêu trên. Đồng thời các nguyên đơn đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Bị đơn và người đại diện hợp pháp của ông Võ Minh T1, bà Nguyễn Thị Thu C trình bày: Quyền sử dụng đất diện tích 253 m^2, thửa 407, tờ bản đồ 18 (BĐ 2000), tọa lạc tại khu phố C, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, ông T1, bà C được ông Đ, bà V cho tặng hợp pháp theo hợp đồng tặng cho đã được Ủy ban nhân dân phường G chứng thực. Ông T1, bà C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp và sau đó đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông S, bà H3, hợp đồng được công chứng hợp pháp. Nay ông T1, bà C không đồng ý hủy hợp đồng tặng cho và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên. Đối với quyền sử dụng đất diện tích 6.233 m^2, ông T1 cũng được cha mẹ tặng cho hợp pháp. Nay ông T1, bà C không đồng ý với yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên của các nguyên đơn và đề nghị ông H1 trả lại quyền sử dụng đất diện tích 6.233 m^2 nêu trên. Ông T1, bà C đồng ý với nội dung rút đơn khởi kiện về việc chia tài sản thừa kế của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu C trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Mỹ H2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S, bà Lê Thị H3: Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ ông S, bà H3 để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông S, bà H3 vắng mặt không có lý do và không nộp văn bản ý kiến cho Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn Đ trình bày: Ông là cha ruột của bà D, bà H, ông H2, ông N, ông T1, hiện nay ông đang sống chung với ông H2. Do ông đã cao tuổi nên ông không nhớ trước đây ông và bà V có tặng cho ông T1, bà C diện tích đất 253 m^2 và 6.233 m^2 hay không. Trường hợp ông chưa cho thì ông đề nghị Tòa án hủy các hợp đồng tặng cho theo yêu cầu của nguyên đơn, trường hợp ông và bà V đã tặng cho rồi thì ông không có bất cứ yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C2 trình bày: Ngày 25/7/2022, tại Văn phòng C3 (nay là Phùng Thị D1), ông Võ Minh T1 và bà Nguyễn Thị Thu C đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị H3, thửa đất chuyển nhượng 407, tờ bản đồ 18, diện tích 253 m^2 tọa lạc tại khu phố C, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH05362 do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp ngày 04/3/2013. Hai bên ký hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, việc giao kết hợp đồng là tự nguyện, nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, thửa đất chuyển nhượng tại thời điểm công chứng không bị tranh chấp, không bị kê biên, Công chứng viên Phùng Thị D1 đã công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, số công chứng 2059 ngày 25/7/2022. Việc chứng nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên là đúng theo quy định tại các Điều 167, 188 Luật Đất đai; các Điều 40, 41, 42 Luật Công chứng. Nay Văn phòng công chứng Phùng Thị D1 đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để xét xử.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 148/2024/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024, của Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Mỹ D, bà Võ Thị Mỹ H, ông Võ Văn H1, ông Võ Phước N "Tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất" đối với ông Võ Minh T1, bà Nguyễn Thị Thu C. Gồm: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Võ Văn Đ, bà Trần Thị V và ông Võ Minh T1, bà Nguyễn Thị Thu C, đối với quyền sử dụng đất diện tích 253 m^2, thửa 407, tờ bản đồ 18 (BĐ 2000), tọa lạc tại khu phố C, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, được Ủy ban nhân dân phường G chứng thực ngày 06/02/2013, số chứng thực 11/Quyển số 01; hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Võ Văn Đ, bà Trần Thị V với ông Võ Minh T1, đối với quyền sử dụng đất diện tích 6.233 m^2, thửa 725, 726, 727, 748, 730, 749, 750, tờ bản đồ 11 (BĐ 2000), tọa lạc tại khu phố B, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, được

Ủy ban nhân dân phường G chứng thực ngày 21/6/2012, số chứng thực 62/Quyển số 01.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Mỹ D, bà Võ Thị Mỹ H, ông Võ Văn H1, ông Võ Phước N "Tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" đối với ông Võ Minh T1, bà Nguyễn Thị Thu C. Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Võ Minh T1, bà Nguyễn Thị Thu C và ông Nguyễn Văn S, bà Lê Thị H3, đối với quyền sử dụng đất diện tích 253 m^2, thửa 407, tờ bản đồ 18 (BĐ 2000), tọa lạc tại khu phố C, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, được Văn phòng C3 (nay là Phùng Thị D1) chứng nhận ngày 25/7/2022, số công chứng 2059, quyển số 13/2022/TP/CC-SCC/HĐGD.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Mỹ D, bà Võ Thị Mỹ H, ông Võ Văn H1, ông Võ Phước N "Tranh chấp về thừa kế tài sản" đối với ông Võ Minh T1 đối với quyền sử dụng đất tại khoản 1.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Võ Minh T1 "Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất" đối với ông Võ Văn H1.

Buộc ông Võ Văn H1 có nghĩa vụ phải trả lại cho ông Võ Minh T1 diện tích đất 3.397 m^2, gồm các thửa 725, 726, 727, 748, tờ bản đồ 11 (BĐ 2000), tọa lạc tại khu phố B, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, loại đất: LUC. Đất do ông Võ Minh T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 21/7/2020, số vào sổ cấp GCN: CS08923. (có tứ cận, sơ đồ kèm theo).

Ông Võ Văn H1 được quyền tiếp tục sử dụng diện tích đất 2.836 m^2, gồm các thửa 730, 749, 750, tờ bản đồ 11 (BĐ 2000), tọa lạc tại khu phố B, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, loại đất: LUC. Đất do ông Võ Minh T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 21/7/2020, số vào sổ cấp GCN: CS08922. (có tứ cận, sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn kiến nghị thu hồi Giấy chứng nhận QSDĐ, quyết định án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18-9-2024, nguyên đơn – ông H1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 21-6-2012 giữa bên tặng cho ông Võ Văn Đ, bà Trần Thị V, bên nhận tặng cho ông Võ Minh T1, đối với quyền sử dụng đất diện tích 6.233 m^2, thửa 725, 726, 727, 748, 730, 749, 750, tờ bản đồ 11 (BĐ 2000), tọa lạc tại khu phố B, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 20-9-2024, bị đơn – ông T1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn - ông H1, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 21/6/2012 giữa bên tặng cho ông Võ Văn Đ, bà Trần Thị V, bên nhận tặng cho ông Võ Minh T1, đối với quyền sử dụng đất diện tích 6.233 m^2, thửa 725, 726, 727, 748, 730, 749, 750, tờ bản đồ 11 (BĐ 2000), tọa lạc tại khu phố B, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, được Ủy ban nhân dân phường G chứng thực theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực**;** Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT/BTP-BTNMT ngày 13 tháng 6 năm 2006 hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất;

Hiện nay, cụ Đ là bên tặng cho cũng không khởi kiện yêu cầu tuyên bố vô hiệu các hợp đồng tặng cho của hai cụ. Tại bản Kết luận giám định số 60/KL-KTHS ngày 23/5/2024 của Phòng K - Công an tỉnh T, kết luận: Chữ ký, dấu vân tay mang tên Võ Văn Đ trên các Hợp đồng tặng cho nêu trên và các tài liệu so sánh đúng là chữ viết, chữ ký, dấu vân tay của cụ Đ, cụ V. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn - ông T1, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào nhận định tại đoạn [1] nêu trên thì tài sản cụ V1, cụ Đ tặng cho ông T1 và vợ chồng ông T1 thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bên được tặng cho. Ông H1 cũng như các đồng nguyên đơn không phải là bên tặng cho tài sản, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, công nhận hiệu lực của các hợp đồng tặng cho nhưng giao cho nguyên đơn được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất 2.836 m^2, gồm các thửa 730, 749, 750, trong tổng diện tích 6.233 m^2 là không có cơ sở.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị sửa bản án sơ thẩm có căn cứ.

[4] Án phí phúc thẩm dân sự: Kháng cáo của ông H1 không được chấp nhận nên ông H1 phải chịu theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T1 bà C được trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm dân sự đã nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn – ông Võ Văn H1;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn – ông Võ Minh T1;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 148/2024/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024, của Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ vào các Điều 157, 165, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 166 Bộ luật Dân sự; Các Điều 166, 168, 188 và 203 Luật Đất đai; các Điều 12, 14, 26, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Mỹ D, bà Võ Thị Mỹ H, ông Võ Văn H1, ông Võ Phước N đối với ông Võ Minh T1, bà Nguyễn Thị Thu C về: Tranh chấp yêu cầu Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho ông Võ Văn Đ, bà Trần Thị V, bên nhận tặng cho ông Võ Minh T1, bà Nguyễn Thị Thu C; tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng ông Võ Minh T1, bà Nguyễn Thị Thu C, bên nhận chuyển nhượng ông Nguyễn Văn S, bà Lê Thị H3, đối với quyền sử dụng đất diện tích 253 m^2, thửa 407, tờ bản đồ 18 (BĐ 2000), tọa lạc tại khu phố C, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, được Ủy ban nhân dân phường G chứng thực ngày 06/02/2013, số chứng thực 11/Quyển số 01; Huỷ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho ông Võ Văn Đ, bà Trần Thị V, bên nhận tặng cho ông Võ Minh T1, đối với quyền sử dụng đất diện tích 6.233m^2, thửa 725, 726, 727, 748, 730, 749, 750, tờ bản đồ 11 (BĐ 2000), tọa lạc tại khu phố B, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, được Ủy ban nhân dân phường G chứng thực ngày 21/6/2012, số chứng thực 62/Quyển số 01.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Mỹ D, bà Võ Thị Mỹ H, ông Võ Văn H1, ông Võ Phước N "Tranh chấp về thừa kế tài sản" đối với ông Võ Minh T1. Đối với các quyền sử dụng đất nêu tại mục 1.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Võ Minh T1 "Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất" đối với ông Võ Văn H1.

Buộc ông Võ Văn H1 có nghĩa vụ phải trả lại cho ông Võ Minh T1 diện tích đất 6.233 m^2, thửa 725, 726, 727, 748, 730, 749, 750, tờ bản đồ 11 (BĐ

2000), tọa lạc tại khu phố B, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, loại đất: LUC. Đất do ông Võ Minh T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 21/7/2020, số vào sổ cấp GCN: CS08923. Đất có tứ cận: Đông giáp đất ông H1, dài 32,65m; tây giáp đất nghĩa địa, dài 46,6m; nam giáp đất ông C1, dài 11,1m + 13,39m + 5,68m + 19,94m + 2,26m + 15,44m + 5,92m + 14,67m; bắc giáp đất ông L, dài 24,34m + 20,98m + 17,01m + 18,07m. (Có sơ đồ kèm theo).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Võ Thị Mỹ H.

3.2. Ông Võ Phước N, bà Võ Thị Mỹ D mỗi người phải chịu 225.000 (hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm; ông Võ Văn H1 phải chịu 525.000 (năm trăm hai mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông H1, bà D, ông N đã nộp là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026778 ngày 04/10/2022, 0015111 ngày 06/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng; ông H1 đã nộp 2.900.000 (hai triệu chín trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027439 ngày 04/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng; ông N đã nộp 2.900.000 (hai triệu chín trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027440 ngày 04/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng; bà D đã nộp 2.900.000 (hai triệu chín trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027438 ngày 04/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Hoàn trả cho bà D 2.875.000 (hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng; Hoàn trả cho ông N 2.875.000 (hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng; Hoàn trả cho ông H1 2.575.000 (hai triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

3.3. Ông Võ Minh T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027186 ngày 20/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

4.1. Ông Võ Văn H1 phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H1 đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000335 ngày 23-9-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Ghi nhận ông T1 đã nộp đủ.

4.2. Ông Võ Minh T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000341 ngày 27-9-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

5. Chi phí tố tụng: Bà D, bà H, ông H1, ông N phải chịu chung 16.000.000 (Mười sáu triệu) đồng chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, giám định. Ghi nhận đã nộp đủ.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND. TTN;
- TAND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Mai